

For students at **elite** – The International English School

★ 193-193A Ba Thang Hai Street, District 10 ★ 19-21 Nguyen Kiem Street, Go Vap District ★ 26 Hoang Van Thu Street, Phu Nhuan District



## SHOULD HAVE

should have - should have - should have - should have



**Should have** được dùng để nói về những sự việc **đã không hoặc có thể đã không xảy ra trong quá khứ**. Chẳng hạn:

I **should have finished** this work by now - Đáng lẽ bây giờ tôi đã phải hoàn thành công việc này rồi (mà đến giờ tôi vẫn chưa làm xong).

I **should have studied** harder for my exams - Đáng lẽ tôi phải học chăm chỉ hơn chuẩn bị cho các kỳ thi của tôi.

Trong cả hai câu trên, người nói có thể bày tỏ thái độ ân hận, lấy làm tiếc là đã không làm một việc gì đó.

Chúng ta cũng có thể dùng **should have** để diễn tả những nghĩa vụ đã không được hoàn thành, thực thi. Chẳng hạn:



He **should have helped** his mother carry the shopping.

## MUST HAVE

**Must have** được dùng để diễn tả một **việc gì đó trong quá khứ mà người nói gần như biết chắc**.

Chẳng hạn nếu bạn thức dậy vào buổi sáng và bạn thấy ngoài vườn cỏ ướt, bạn có thể nói:



It **must have rained** overnight - Chắc hẳn trời đã mưa hồi đêm hôm qua.

Chúng ta hãy thử xem xét một câu trong đó có cả **should have** và **must have**:

Jane **should have arrived** by now, she **must have missed** the bus - Jane đáng lẽ lúc này đã phải tới nơi rồi, chắc hẳn chị ấy đã bị lỡ chuyến xe buýt.

Trong tình huống này, vào thời điểm người nói nói câu này chúng ta nghĩ là Jane đáng lẽ đã có mặt rồi nhưng chị ấy lại chưa tới, và chúng ta có thể đi tới kết luận là việc chị ấy muộn hẳn là do bị lỡ xe.

Compiled by **Mr. MaxEnglish**  
(Pickering, George. [BBCVietnamese.com](http://BBCVietnamese.com). "Learning English".)

